TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2026
V/v "Ly hôn, con chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khuê

Ông Trần Đình Điệu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án " ly hôn, con chung sau ly hôn" thụ lý số 137/DSST ngày 23/10 /2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 16/2026/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1978; số CCCD: 031078001435, cấp ngày 28/06/2021; nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Phương 1, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1976; số CCCD: 031176006471; nơi cư trú: Tổ dân phố Phố Đông Phương 1, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Trịnh Văn H là nguyên đơn trình bày: Anh Hưng và chị Phạm Thị Đ kết hôn vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Bình, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng (nay là phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau cưới anh Hưng và chị Đường sinh sống làm ăn tại địa phường từ đó đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận được thời gian đầu sau đó thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do

bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên can thiệp, song quá trình chung sống vợ chồng thường không kìm chế được nỗi bức xúc mỗi khi sống trong một mái nhà. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến xung đột cả gia đình, nay anh Hưng nhận thấy thời gian mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa đề nghị Toà án giải quyết cho anh Hưng được ly hôn chị Đường.

Về con chung: Anh Hưng và chị Đường có 04 con chung tên: Trịnh Lâm Phong, sinh năm 2007; Trịnh Thị Phương Anh, sinh năm 2005; Trịnh Thị My, sinh năm 2011; Trịnh Thị Trà, sinh năm 2011. Khi ly hôn quan điểm anh Hưng đế nghị được trực tiếp hai con tên Trà, My. Đối với hai con tên Phong và Trà đã trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh Hưng trình bày để hai bên thoả thuận giao nhận cho nhau không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Hưng trình bày không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị Đ vắng mặt tại phiên toà song đã có bản tự khai trong hồ sơ thể hiện với nội dung: Chị Đường và anh Hưng kết hôn với nhau vào năm 2003, được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UNND xã Hoà Bình, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hưng có quan hệ bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2024 và đến nay chị Đường cũng nhận thấy mâu thuẫn đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Hưng có đơn xin ly hôn chị không đồng ý vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Đường và anh Hưng có 04 con chung tên: Trịnh Lâm Phong, sinh năm 2007; Trịnh Thị Phương Anh, sinh năm 2005; Trịnh Thị My, sinh năm 2011; Trịnh Thị Trà, sinh năm 2011. Khi ly hôn quan điểm chị Đường đế nghị Toà án căn cứ nguyện vọng của các con và do chị Đường không có chỗ ở nên đề nghị giao con chung cho anh Hưng trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đường trình bày để hai bên tự thoả thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không đề nghị Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh Trịnh Văn H có đơn xin ly hôn chị Phạm Thị Đ đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tung dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị Đ hiện đang cư trú tại Tổ dân phố Đông Phương 1, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1- Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn chị Phạm Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ song vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Đ.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của các bên đương sự và tài liệu thu thập có trong hồ sơ: Xét, anh Trịnh Văn H và chị Phạm Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trinh chung sống anh Hưng và chị Đường đã xảy ra mâu thuẫn nhiều năm. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xích mích, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không gắn kết được, tuy sống cùng nhà nhưng đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Hưng, chị Đường đều khẳng định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh Hưng xin được ly hôn chị Đường, chị Đường không đồng ý. Toà án đã triệu tập để tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật nhưng chị Đường đều vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hưng và chị Đường đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn H. Cho anh Trịnh Văn H được ly hôn chị Phạm Thị Đ.

[4] Về con chung: Anh Trịnh Văn H Và chị Phạm Thị Đ trình bày có 04 con chung tên: Trịnh Lâm Phong, sinh năm 2007; Trịnh Thị Phương Anh, sinh năm 2005; Trịnh Thị My, sinh năm 2011; Trịnh Thị Trà, sinh năm 2011. Khi ly hôn quan điểm anh Hưng đế nghị được trực tiếp hai con tên Trịnh Thị Trà, Trịnh Thị My. Đối với hai con tên Trịnh Lâm Phong và Trịnh Thị Phương Anh đã đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề nghị Toà án giải quyết. Quan điểm của chị Đường đề nghị Toà án căn cứ nguyện vọng của các con và do chị Đường không có chỗ ở nên đề nghị giao con chung cho anh Hưng trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Trịnh Thị Trà và cháu Trịnh Thị My có nguyện vọng được ở với bố là anh Trịnh Văn H để ổn định cuộc sống và học tập.

Căn cứ Điều 82, 86 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi của con chung, giao cho anh Hưng trực tiếp nuôi con chung tên Trịnh Thị My và Trịnh Thị Trà.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hưng và chị Đường đề nghị để hai bên tự thoả thuận giao nhận cho nhau. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Hưng trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án. Chị Đường đề nghị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Hưng phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 82 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Xử:

1.Cho Anh Trịnh Văn H được ly hôn chị Phạm Thị Đ.

2.Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Thị My, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2011 và Trịnh Thị Trà, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2011 cho anh Trịnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tên Trịnh Thị My, Trịnh Thị Trà đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3.Về nghĩa vụ cấp dưỡng hai bên tự giao nhận cho nhau không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4.Về án phí: Anh Trịnh Văn H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004871 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trịnh Văn H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND khu vực 1- Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
-UBND phường Hoà Bình-TP Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự